

Điểm chuẩn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cao nhất 29 điểm

10:59 12/08/2026

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thông báo điểm chuẩn tuyển sinh đại học năm 2026.

Theo đó, ngành Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh) có điểm chuẩn cao nhất trường với 29 điểm.

Trong các ngành đào tạo sư phạm còn lại có 11 ngành có điểm chuẩn trên 28 như: Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Toán học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm; Sư phạm Ngữ văn,...

Điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo đại học chính quy theo các phương thức tuyển sinh chung (PT1, PT2, PT3) vào Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2026 như sau:

a) Nhóm ngành khoa học giáo dục

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Giáo dục học (Giáo dục và truyền thông) (bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7140101	24.89
2.	Quản lý giáo dục Mã xét tuyển: 7140114	25.65

b) Nhóm ngành đào tạo giáo viên

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	GD Mầm non Mã xét tuyển: 7140201	23.93
2.	GD Mầm non - SP Tiếng Anh Mã xét tuyển: 7140201K	22.25
3.	GD Tiểu học Mã xét tuyển: 7140202	28.15
4.	GD Tiểu học - SP Tiếng Anh Mã xét tuyển: 7140202K	28.42
5.	GD đặc biệt Mã xét tuyển: 7140203	26.53
6.	GD công dân Mã xét tuyển: 7140204	26.18
7.	GD chính trị Mã xét tuyển: 7140205	26.83
8.	GD thể chất Mã xét tuyển: 7140206	26.63
9.	GD Quốc phòng và An ninh Mã xét tuyển: 7140208	25.41
10.	SP Toán học Mã xét tuyển: 7140209	28.95
11.	SP Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh) Mã xét tuyển: 7140209K	29.00

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
12.	SP Tin học <i>Mã xét tuyển: 7140210</i>	23.96
13.	SP Tin học (dạy Tin học bằng tiếng Anh) <i>Mã xét tuyển: 7140210K</i>	23.75
14.	SP Vật lí <i>Mã xét tuyển: 7140211</i>	28.77
15.	SP Vật lí (dạy Vật lí bằng tiếng Anh) <i>Mã xét tuyển: 7140211K</i>	28.35
16.	SP Hoá học <i>Mã xét tuyển: 7140212</i>	28.99
17.	SP Hoá học (dạy Hóa học bằng tiếng Anh) <i>Mã xét tuyển: 7140212K</i>	28.22
18.	SP Sinh học <i>Mã xét tuyển: 7140213</i>	28.28
19.	SP Ngữ văn <i>Mã xét tuyển: 7140217</i>	28.71
20.	SP Lịch sử <i>Mã xét tuyển: 7140218</i>	28.61
21.	SP Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140219</i>	28.22
22.	SP Âm nhạc <i>Mã xét tuyển: 7140221</i>	24.57
23.	SP Mỹ thuật <i>Mã xét tuyển: 7140222</i>	23.43
24.	SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140231</i>	27.69
25.	SP Tiếng Pháp <i>Mã xét tuyển: 7140233</i>	20.60
26.	SP Công nghệ <i>Mã xét tuyển: 7140246</i>	23.29
27.	SP Khoa học tự nhiên <i>Mã xét tuyển: 7140247</i>	27.47
28.	SP Lịch sử - Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140249</i>	27.78

2) Lĩnh vực nhân văn

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>Mã xét tuyển: 7220101</i>	24.53
2.	Ngôn ngữ Anh <i>Mã xét tuyển: 7220201</i>	25.57
3.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp ứng dụng và giao tiếp quốc tế) <i>(bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026)</i>	22.25

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
	<i>Mã xét tuyển: 7220203</i>	
4.	Ngôn ngữ Trung Quốc <i>Mã xét tuyển: 7220204</i>	24.93
5.	Triết học (Triết học Mác Lê-nin) <i>Mã xét tuyển: 7229001</i>	24.52
6.	Lịch sử <i>Mã xét tuyển: 7229010</i>	27.20
7.	Văn học <i>Mã xét tuyển: 7229030</i>	26.43

3) Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Chính trị học <i>Mã xét tuyển: 7310201</i>	23.56
2.	Xã hội học <i>Mã xét tuyển: 7310301</i>	23.75
3.	Tâm lý học (Tâm lý học trường học) <i>Mã xét tuyển: 7310401</i>	24.25
4.	Tâm lý học giáo dục <i>Mã xét tuyển: 7310403</i>	25.62
5.	Địa lý học (Địa lý tài nguyên và môi trường) (bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026) <i>Mã xét tuyển: 7310501</i>	25.44
6.	Quốc tế học (bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026) <i>Mã xét tuyển: 7310601</i>	25.03
7.	Việt Nam học <i>Mã xét tuyển: 7310630</i>	23.00

4) Lĩnh vực khoa học sự sống

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Sinh học <i>Mã xét tuyển: 7420101</i>	19.00
2.	Công nghệ sinh học <i>Mã xét tuyển: 7420201</i>	19.60

5) Lĩnh vực khoa học tự nhiên

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Vật lý học (Vật lý bán dẫn và kỹ thuật) <i>Mã xét tuyển: 7440102</i>	23.72
2.	Hóa học <i>Mã xét tuyển: 7440112</i>	24.49
3.	Hóa học (Hóa dược) (bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026) <i>Mã xét tuyển: 7440112D</i>	22.35

6) Lĩnh vực Toán và thống kê

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Toán học <i>Mã xét tuyển: 7460101</i>	26.38
2.	Khoa học dữ liệu <i>(bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7460108</i>	20.88

7) Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Trí tuệ nhân tạo <i>(bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7480107</i>	20.35
2.	Công nghệ thông tin <i>Mã xét tuyển: 7480201</i>	20.25

8) Lĩnh vực Dịch vụ xã hội

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Công tác xã hội <i>Mã xét tuyển: 7760101</i>	22.95
2.	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật <i>Mã xét tuyển: 7760103</i>	22.85

9) Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển
1.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành <i>Mã xét tuyển: 7810103</i>	23.77
2.	Huấn luyện thể thao <i>(bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7810302</i>	25.50

Minh Khánh